

Số: 143 /BC-TCT

Bình Định, ngày 14 tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao đến hết tháng 9/2024**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quy chế hoạt động Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành theo Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là “Tổ công tác”);

Tổ công tác báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao (tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/10/2024), cụ thể như sau:

### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### 1. Đối với nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Tổ công tác đã cập nhật và được Văn phòng Chính phủ phê duyệt hoàn thành đối với **69/143 nhiệm vụ** do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, không có nhiệm vụ quá hạn.

#### 2. Đối với nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương

##### 2.1. Đối với nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2024, tổng số nhiệm vụ trọng tâm Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị là **394 nhiệm vụ**, bao gồm: **266** nhiệm vụ theo tháng (có 31 nhiệm vụ trong tháng 9 năm 2024) và **128** nhiệm vụ theo quý (có 40 nhiệm vụ quý I và 38 nhiệm vụ quý II, 50 nhiệm vụ quý III), kết quả thực hiện như sau:

a) **Nhiệm vụ tháng tính lũy kể từ đầu năm: tổng số 266** nhiệm vụ, bao gồm:

- 260 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn (đạt tỷ lệ 97,3%);
- 04 nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn (tỷ lệ 1,5%);
- 01 nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ điều chuyển sang năm 2025, cụ thể “*Nhiệm vụ phối hợp Tổ chức “Diễn đàn cấp cao về thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST địa phương – Bình Định 2024”*”.
- 01 nhiệm vụ xin gia hạn sang tháng 12/2024 của Sở Y tế, cụ thể: “*Nhiệm vụ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế*”.

## **b) Nhiệm vụ quý**

**(i) Nhiệm vụ quý I và quý II:** đã hoàn thành 100%.

**(ii) Nhiệm vụ quý III:** đã hoàn thành 45/50 nhiệm vụ, còn 05 nhiệm vụ điều chuyển sang quý IV, cụ thể như sau:

- 02 nhiệm vụ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội điều chuyển sang Quý IV/2024, cụ thể: “*Quy định Chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024 - 2027*” và “*Quy định Chính sách hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số khi tham gia bảo hiểm tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025*”.

- 02 nhiệm vụ của Sở Xây dựng điều chuyển sang Quý IV/2024, cụ thể: “*Nhiệm vụ điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định*” và “*Rà soát điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Hoài Nhơn*”.

- 01 nhiệm vụ của Sở Y tế điều chuyển sang Quý IV/2024, cụ thể: “*Nhiệm vụ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế*”.

*(có Phụ lục 1 Tổng hợp tình hình thực hiện công tác trọng tâm năm 2024).*

**(iii) Đối với nhiệm vụ năm:** đã hoàn thành 06/75 nhiệm vụ (Ban Dân tộc (01), Sở Công Thương (01), Sở Kế hoạch và Đầu tư (01), Sở Văn hóa và Thể thao (02), Sở Y tế (01)), còn 69 nhiệm vụ năm đang thực hiện.

## **2.2. Đối với nhiệm vụ thường xuyên được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao**

Tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2024, tổng số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho **42** cơ quan, đơn vị, địa phương là **4.546** nhiệm vụ. Kết quả thực hiện như sau:

(i) Đã hoàn thành **3.597** nhiệm vụ (đạt tỷ lệ **79,1%**). Trong đó:

+ Xử lý hoàn thành trước hạn/đúng hạn **3.230** nhiệm vụ (đạt tỷ lệ 89,7%).

+ Xử lý hoàn thành trễ hạn **367** nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ 10,3%).

(ii) Đang xử lý **949** nhiệm vụ. Trong đó:

+ Có **922** nhiệm vụ còn **trong hạn**.

+ Có **27** nhiệm vụ **đã quá hạn còn tồn đọng** (thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện).

(Chi tiết tại Phụ lục 2A và Phụ lục 2B kèm theo)

## II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để kịp thời giải quyết hoàn thành các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Tổ Công tác đề nghị các cơ quan, đơn vị địa phương:

1. Rà soát **922 nhiệm vụ** (còn trong hạn hoặc không có thời hạn) do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc thẩm quyền giải quyết, khẩn trương giải quyết hoàn thành sớm, tránh để kéo dài, nhất là các nhiệm vụ không có thời hạn xử lý.

2. Các địa phương: Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Phù Cát, Hoài Ân, Tây Sơn chủ động rà soát, xử lý dứt điểm **27 nhiệm vụ** thường xuyên còn tồn đọng nêu trên; các sở, ngành khẩn trương rà soát, hoàn thành **69 nhiệm vụ** năm thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) rà soát, cập nhật đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng thời gian quy định để công tác tổng hợp, báo cáo số liệu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kịp thời, chính xác.

Tổ công tác kính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, BTCD, HCTC;
- HS TCT của CT UBND tỉnh (NTKC);
- Lưu: VT, KSTT<sup>(N)</sup>.

*Thoa*

**TỔ TRƯỞNG**



**CHÁNH VĂN PHÒNG  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
Lê Ngọc An**

**Phụ lục 1A**  
**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM CÔNG TÁC TRỌNG TÂM NĂM 2024**  
(Theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)  
(Thời điểm cập nhật đến ngày 01/10/2024)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TCT ngày /10/2024 của Tổ Công tác Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số nhiệm vụ giao	Nhiệm vụ theo tháng					Nhiệm vụ theo Quý				Nhiệm vụ theo Năm					
			Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý	
				Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Ban Dân tộc	19	12	9	0	0	0	6	5	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Ban quản lý Khu kinh tế	18	13	8	0	0	0	4	1	0	0	0	1	0	0	0	0
3	Sở Công thương	22	16	13	0	0	0	5	4	0	0	0	1	1	0	0	0
4	Sở Du lịch	27	16	11	0	0	0	7	5	0	0	0	4	0	0	0	0
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	23	17	0	0	0	15	11	0	0	0	2	0	0	0	0
6	Sở Giao thông vận tải	40	19	16	0	0	0	17	13	0	0	0	4	0	0	0	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	29	17	12	0	0	0	9	5	0	0	0	3	1	0	0	0
8	Sở Khoa học và Công nghệ	20	12	9	0	0	0	5	2	0	0	0	3	0	0	0	0
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	35	19	16	0	0	0	12	7	0	0	0	4	0	0	0	0
10	Sở Ngoại vụ	20	13	7	3	0	0	5	3	1	0	0	2	0	0	0	0
11	Sở Nội vụ	21	15	11	0	0	0	4	4	0	0	0	2	0	0	0	0
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	27	16	12	1	0	0	6	5	0	0	0	5	0	0	0	0
13	Sở Tài chính	30	22	19	0	0	0	6	5	0	0	0	2	0	0	0	0
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	22	14	10	0	0	0	5	3	0	0	0	3	0	0	0	0
15	Sở Thông tin và Truyền thông	23	15	12	0	0	0	4	3	0	0	0	4	0	0	0	0
16	Sở Tư pháp	24	19	15	0	0	0	4	3	0	0	0	1	0	0	0	0

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số nhiệm vụ giao	Nhiệm vụ theo tháng					Nhiệm vụ theo Quý					Nhiệm vụ theo Năm				
			Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý	
				Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn
17	Sở Văn hóa Thể thao	62	25	22	0	0	0	22	16	0	0	0	15	2	0	0	0
18	Sở Xây dựng	35	18	14	0	0	0	13	9	0	0	0	4	0	0	0	0
19	Sở Y tế	44	23	17	0	0	0	11	7	0	0	0	10	1	0	0	0
20	Thanh tra tỉnh	21	12	9	0	0	0	8	6	0	0	0	1	0	0	0	0
21	Văn phòng UBND tỉnh	12	5	1	0	0	0	4	0	0	0	0	3	0	0	0	0
	<b>TỔNG</b>	<b>591</b>	<b>344</b>	<b>260</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>172</b>	<b>117</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>75</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Phụ lục 2A**

**THỐNG KÊ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO**

**(Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/10/2024)**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TCT ngày /10/2024 của Tổ Công tác Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số nhiệm vụ giao	Đang xử lý			Đã hoàn thành		
			Trong hạn	Đã quá hạn	Tổng cộng	Trong hạn	Trễ hạn	Tổng cộng
1	Ban Dân tộc	47	12	0	12	30	5	35
2	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	68	9	0	9	44	15	59
3	Ban QLDA Dân Dụng và Công Nghiệp	11	6	0	6	5	0	5
4	Ban Quản Lý Giao Thông tỉnh	34	5	0	5	28	1	29
5	Ban Quản lý Dự án NN và PTNT tỉnh	35	19	0	19	15	1	16
6	Ban quản lý Khu kinh tế	63	16	0	16	43	4	47
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh	6	0	0	0	5	1	6
8	Công an tỉnh	123	39	0	39	76	8	84
9	Cục hải quan tỉnh	10	8	0	8	2	0	2
10	Cục thống kê tỉnh	23	3	0	3	20	0	20
11	Cục thuế tỉnh	41	2	0	2	39	0	39
12	Kho bạc nhà nước tỉnh	6	2	0	2	4	0	4
13	Ngân hàng nhà nước tỉnh	17	4	0	4	12	1	13
14	Sở Công Thương	115	21	0	21	93	1	94
15	Sở Du lịch	52	5	0	5	46	1	47
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	98	33	0	33	64	1	65
17	Sở Giao thông vận tải	110	10	0	10	100	0	100
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	364	65	0	65	275	24	299
19	Sở Khoa học và Công nghệ	92	39	0	39	50	3	53
20	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	132	46	0	46	82	4	86

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số nhiệm vụ giao	Đang xử lý			Đã hoàn thành		
			Trong hạn	Đã quá hạn	Tổng cộng	Trong hạn	Trễ hạn	Tổng cộng
21	Sở Nội vụ	214	23	0	23	191	0	191
22	Sở Nông nghiệp và PTNT	234	27	0	27	165	42	207
23	Sở Ngoại vụ	107	10	0	10	94	3	97
24	Sở Tài chính	484	110	0	110	374	0	374
25	Sở Tài nguyên và Môi trường	401	58	0	58	262	81	343
27	Sở Tư pháp	127	10	0	10	117	0	117
26	Sở Thông tin và Truyền thông	201	84	0	84	111	6	117
28	Sở Văn hóa Thể thao	149	32	0	32	104	13	117
29	Sở Xây dựng	188	11	0	11	177	0	177
30	Sở Y tế	96	15	0	15	81	0	81
31	Thanh tra tỉnh	256	70	0	70	186	0	186
32	UBND huyện An Lão	24	1	0	1	22	1	23
33	UBND huyện Hoài Ân	54	15	3	18	28	8	36
34	UBND huyện Phù Cát	60	7	8	15	32	13	45
35	UBND huyện Phù Mỹ	63	15	0	15	29	19	48
36	UBND huyện Tây Sơn	48	9	2	11	28	9	37
37	UBND huyện Tuy Phước	59	7	0	7	33	19	52
38	UBND huyện Vân Canh	30	6	0	6	17	7	24
39	UBND huyện Vĩnh Thạnh	28	4	0	4	19	5	24
42	UBND thành phố Quy Nhơn	163	55	14	69	46	48	94
40	UBND thị xã An Nhơn	45	6	0	6	33	6	39
41	UBND thị xã Hoài Nhơn	68	3	0	3	48	17	65
	<b>TỔNG</b>	<b>4546</b>	<b>922</b>	<b>27</b>	<b>949</b>	<b>3230</b>	<b>367</b>	<b>3597</b>

**Phụ lục 2B**

**THỐNG KÊ 27 NHIỆM VỤ ĐÃ QUÁ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT NHƯNG CÒN TỒN ĐỌNG**

**(Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/10/2024)**

**(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TCT ngày /10/2024 của Tổ Công tác Chủ tịch UBND tỉnh)**

TT	Đơn vị thực hiện	Số, ký hiệu văn bản	Nội dung nhiệm vụ được giao	Ngày văn bản	Hạn xử lý
1	UBND huyện Hoài Ân	3833/UBND-KT	V/v sử dụng đất tại CCN Dốc Trông Sỏi để thi công các điểm tái định cư cao tốc	21/05/2024	31/05/2024
2	UBND huyện Hoài Ân	239/TB-UBND	Thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn về nhiệm vụ trọng tâm của ngành du lịch Bình Định trong 06 tháng cuối năm 2024 (xây dựng kế hoạch phát triển du lịch 06 tháng cuối năm 2024 cho địa phương)	18/06/2024	30/07/2024
3	UBND huyện Hoài Ân	453/PC-BTCD	Nguyễn Nhật; Thôn Vạn Trung, xã Ân Hào, Hoài Ân	09/08/2024	31/08/2024
4	UBND huyện Phù Cát	6670/UBND-KT	V/v xử lý vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến Quốc lộ qua địa bàn tỉnh	27/08/2024	15/09/2024
5	UBND huyện Phù Cát	5833/UBND-TD	V/v giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Tha và ông Mai Công Khanh	01/08/2024	31/08/2024
6	UBND huyện Phù Cát	449/PC-BTCD	V/v chuyển đơn của bà Nguyễn Thị Thành; Thôn Hưng Trị, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	05/08/2024	31/08/2024
7	UBND huyện Phù Cát	6812/UBND-TD	giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Đính; Thôn Trung Lương, Tt Cát Tiến, Phù Cát	04/09/2024	20/09/2024
8	UBND huyện Phù Cát	3936/UBND-TH	tiếp tục triển khai công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh	25/05/2024	31/05/2024
9	UBND huyện Phù Cát	4018/UBND-TH	giải quyết vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, GPMB dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280 đường trục Khu kinh tế nổi dài, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	29/05/2024	30/06/2024
10	UBND huyện Phù Cát	4545/UBND-TH	đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh	17/06/2024	30/06/2024
11	UBND huyện Phù Cát	4831/UBND-TH	thực hiện công tác bồi thường, GPMB để thực hiện dự án Khu đô thị và du lịch An Quang, huyện Phù Cát	26/06/2024	31/07/2024



TT	Đơn vị thực hiện	Số, ký hiệu văn bản	Nội dung nhiệm vụ được giao	Ngày văn bản	Hạn xử lý
12	UBND huyện Tây Sơn	6670/UBND-KT	V/v xử lý vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến Quốc lộ qua địa bàn tỉnh	27/08/2024	15/09/2024
13	UBND huyện Tây Sơn	7219/UBND-KT	Về việc tập trung giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB dự án Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	16/09/2024	25/09/2024
14	UBND TP. Quy Nhơn	3223/UBND-KT	tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư Dự án: Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Long Mỹ	03/05/2024	08/05/2024
15	UBND TP. Quy Nhơn	239/TB-UBND	Thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn về nhiệm vụ trọng tâm của ngành du lịch Bình Định trong 06 tháng cuối năm 2024 (xây dựng kế hoạch phát triển du lịch 06 tháng cuối năm 2024 cho địa phương)	18/06/2024	30/07/2024
16	UBND TP. Quy Nhơn	6670/UBND-KT	V/v xử lý vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến Quốc lộ qua địa bàn tỉnh	27/08/2024	15/09/2024
17	UBND TP. Quy Nhơn	2185/UBND-TD	V/v giải quyết đơn của ông La Ngọc Nhẹ ở số 02 Trần Nguyên Đán, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn	25/03/2024	15/04/2024
18	UBND TP. Quy Nhơn	2750/UBND-TD	Giải quyết tố cáo của ông Đoàn Trọng Chánh và bà Hồ Thị Dư	15/04/2024	10/05/2024
19	UBND TP. Quy Nhơn	2933/UBND-TD	v/v giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thanh Trúc ở số 16 đường Nguyễn Trãi, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn	20/04/2024	31/05/2024
20	UBND TP. Quy Nhơn	4128/UBND-TD	ủy quyền đối thoại với Bà Phan Thị Nhung, địa chỉ thường trú: Tổ 02, khu phố 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.	01/06/2024	30/06/2024
21	UBND TP. Quy Nhơn	5207/UBND-TD	giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình Lân; Tổ 4, KP 8, P. BTX, TP. Quy Nhơn	09/07/2024	31/07/2024
22	UBND TP. Quy Nhơn	409/PC-BTCD	Võ Thị Lộc, Huỳnh Thị Mười; Tổ 31, KV6, P. Hải Cảnh, TP. Quy Nhơn	08/07/2024	31/07/2024
23	UBND TP. Quy Nhơn	5899/UBND-TD	V/v giải quyết Đơn của bà Đinh Thị Hồng ở tổ 03, khu vực 9, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.	04/08/2024	31/08/2024
24	UBND TP. Quy Nhơn	6149/UBND-TD	V/v giải quyết đơn kiến nghị của Ông Phan Nguyên Xuất ở Số 35/2/2 Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn.	12/08/2024	10/09/2024
25	UBND TP. Quy Nhơn	470/PC-BTCD	Ông Ngô Vĩnh Thiện; Lô 60-A3 Khu TĐC Khu đô thị Bắc sông Hà Thanh, P. Đống Đa, TP. Quy Nhơn.	21/08/2024	10/09/2024

TT	Đơn vị thực hiện	Số, ký hiệu văn bản	Nội dung nhiệm vụ được giao	Ngày văn bản	Hạn xử lý
26	UBND TP. Quy Nhơn	4545/UBND-TH	đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh	17/06/2024	30/06/2024
27	UBND TP. Quy Nhơn	5555/UBND-VX	V/v xem xét kiến nghị của Công ty CP Quản lý sửa chữa Đường bộ Quy Nhơn	22/07/2024	31/07/2024